TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do –Hạnh phúc

Bản án số 05/2022/DSST
Ngày 26-8-2022
"v/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Pep
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ksor H'Quá
2. Ông Nguyễn Hữu Công Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Hải Biển - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nay San - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2022/TLST- DS, ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 07 đường Thống Nhất, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, Gia Lai. Có mặt

+ *Bị đơn:* Ông Cao Văn V, sinh năm 1979 và bà Ngụy Thị S, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Số 24 đường Kpă Tít, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ngụy Thị Sen: Ông Cao Văn V, sinh năm 1979 (theo văn bản uỷ quyền được chứng thực ngày 13/5/2022)

Địa chỉ: Số 24 đường Kpă Tít, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Ông Cao Văn V và Ngụy Thị S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Tháng 08/2017 và tháng 03/2018, ông V và bà S có vay của ông tổng số tiền 400.000.000 đồng (Bốn

trăm triệu đồng chẵn), theo 02 (hai) Hợp đồng vay tiền, hai bên thoả thuận miệng với lãi suất là 02%/tháng, tiền lãi được trả hàng tháng. Cả hai lần vay bà S và ông V đều trực tiếp nhận tiền.

Tháng 01/2020, ông V và bà S chỉ trả cho ông 100.000.000 đồng tiền gốc. Trong thời gian từ ngày vay tiền đến ngày 31/12/2020, ông Cao Văn V và bà Ngụy Thị S có trả cho ông nhiều lần tiền lãi, số tiền lãi từ ngày vay đến ngày 31/12/2020 ông Cao Văn V và bà Ngụy Thị S đã trả nhưng còn thiếu 3.000.000 đồng, ông không yêu cầu ông V, bà S phải trả số tiền 3.000.000 đồng này nữa.

Mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông V, bà S liên tục chây ì và không trả tiền lãi, tiền gốc cho ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pa buộc ông Cao Văn V và bà Ngụy Thị S liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và số tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật (20%/năm) từ ngày 01/01/2021 đến cho đến khi giải quyết xong vụ án.

2. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ngụy Thị S là ông Cao Văn V trình bày: Tháng 08/2017 và tháng 03/2018, vợ chồng ông, bà có vay của ông Nguyễn Minh T 02 (hai) lần với tổng số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Sau đó ông, bà đã trả cho ông Nguyễn Minh T 100.000.000 đồng tiền vay gốc và có trả lãi, còn khoản nợ vay gốc và lãi còn lại do khó khăn nên chưa trả được.

Nay ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông, bà trả tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh thì ông và bà Sen tự nguyện, công nhận hiện nay còn nợ ông Nguyễn Minh T số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng, riêng về số tiền nợ lãi ông và bà S có nguyện vọng đề nghị ông Nguyễn Minh T giảm bớt số tiền nợ lãi. Ông và bà S tự nguyện, đồng ý liên đới trả số tiền nợ cho ông Nguyễn Minh T trong 03 (ba) lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 03/12/2022 trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

Lần 2: Ngày 03/12/2023 trả 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

Lần 3: Ngày 03/8/2024 trả 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) tiền nợ gốc còn lại.

Về số tiền nợ lãi, ông và bà Sen sẽ có phương án trả cho ông T sau.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án;

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ, các lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định giữa ông T và vợ chồng ông V, bà S có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản cụ thể là giấy vay tiền có nội dung vào ngày 22/8/2017 ông Việt vay số tiền 200.000.000 đồng, tiếp theo ngày 11/03/2018 vay 200.000.000 đồng các hợp đồng đều có chữ ký, ghi họ và tên của ông V, bà S

Như vậy, việc ông V, bà S xác lập giao dịch dân sự với ông T là có thật, các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản, tuy không xác định thời hạn trả nợ, nhưng các bên có thỏa thuận lãi suất dựa trên quy định của pháp luật tại thời điểm cho vay.

Đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự (BLDS).

Mặc dù ông T báo trước cho bị đơn ông V, bà S một thời gian hợp lý, nhưng vợ chồng ông V, bà S không chịu trả.

Do vậy ông T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông V, bà S liên đới trả nợ số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay 01/01/2021 đến ngày giải quyết xong vụ án là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS,

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 289, 463; Khoản 1; Khoản 5 Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của BLDS,

- Áp dụng Điều 27 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T buộc bị đơn ông V, bà S liên đới trả số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày tòa án tuyên án sơ thẩm

Về án phí: Ông V, bà S liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án đã tạm nộp trước đây cho ông Tùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS. Bị đơn ông Cao Văn Việt và bà Ngụy Thị Sen cư trú tại huyện Krông Pa nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Trong giai đoạn xét xử vụ án Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ cho ông Cao Văn V, bà Ngụy Thị S nhưng ông Cao Văn V, bà Ngụy Thị S vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu

thập được trong hồ sơ vụ án để quyết định, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Cao Văn V và bà Ngụy Thị S phải cùng liên đới trả số tiền nợ gốc còn nợ là 300.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 01/01/2021 theo quy định của pháp luật (20%/năm) đến khi giải quyết xong vụ án.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 02 (hai) "Hợp đồng cho cá nhân vay tiền" đề ngày 22/8/2017 và ngày 11/3/2018 bản gốc, Tòa án thu thập theo đúng trình tự thủ tục quy định của BLTTDS về chứng minh và chứng cứ nên có giá trị để xem xét. Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận việc vay tiền và thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là đúng. Vì vậy chứng cứ nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp.

Căn cứ vào các lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử (HĐXX) khẳng định ông Nguyễn Minh T có cho ông Cao Văn V và bà Ngụy Thị S vay số tiền là 400.000.000 đồng với lãi suất là 2% và không hẹn thời gian trả nợ, ông Tùng, bà Sen đã trả cho ông Tùng 100.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng, ông Tùng nhiều lần yêu cầu trả nợ trong khoảng thời gian dài nhưng ông V và bà S không chịu trả tiền; việc ông V, bà S không thực hiện việc trả tiền cho ông Nguyễn Minh T là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 289, 463, 466, 468 và Điều 469 của BLDS.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận vợ chồng ông V, bà S có vay tiền của ông Nguyễn Minh T số tiền là 400.000.000 đồng với lãi suất là 2% và không hẹn thời gian trả nợ, ông V, bà S đã trả cho ông T 100.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng tiền gốc như ông Nguyễn Minh T trình bày là đúng sự thật. Tuy nhiên, do gia đình khó khăn nên không có tiền trả cho ông Nguyễn Minh T; ông V, bà S không có khả năng trả nợ một lần nên hẹn trả dần số tiền nợ gốc cho ông Nguyễn Minh T, về tiền lãi phát sinh từ nợ gốc tính từ ngày 01/01/2021 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 20%/năm thì ông V, bà S không đồng ý do hiện nay không có khả năng trả nợ. Ông Nguyễn Minh T không đồng ý với quan điểm của ông V, bà S nên không có căn cứ để chấp nhận. Do vậy cần buộc bị đơn ông Cao Văn V và bà Ngụy Thị S phải liên đới trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền đã vay là 300.000.000 đồng và lãi suất của số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Ngày 22/8/2017 và ngày 11/3/2018, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 400.000.000 đồng, hai bên thoả thuận lãi suất 2%/tháng và không thỏa thuận cụ thể thời gian trả nợ, sau đó bị đơn đã trả nợ gốc là 100.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng tiền nợ gốc, đây là quan hệ hợp đồng dân sự vay tiền có thỏa thuận về lãi và không kỳ hạn quy định tại các điều 463, 466, 468 Điều 469 của

BLDS, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ pháp luật. Theo Điều 468 của BLDS quy định trong trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được quá 20%/năm của khoản tiền vay (không được vượt quá 1,66%/tháng), do vậy, việc các đương sự thoả thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lãi suất 20%/năm đối với số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn vượt quá 20%/năm: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều xác nhận trước thời điểm ngày 01/01/2021, bị đơn có trả tiền lãi cho nguyên đơn theo mức 2%/tháng (24%/năm), tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều không nhớ chính xác số tiền cũng như thời gian trả lãi. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến, yêu cầu, đề nghị gì về phần tiền lãi vượt quá 20%/năm đã trả và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền được chính xác số tiền này nên HĐXX không có căn cứ xem xét.

Xét thời gian tính lãi suất, trong đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phát tính từ số tiền nợ gốc từ thời điểm vay tiền, nhưng quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc từ ngày 01/01/2021, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên cần chấp nhận. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày xét xử (ngày 26/8/2022) là 19 tháng 25 ngày. Vậy lãi suất được tính là 300.000.000 đồng x 20%/năm x 19 tháng 25 ngày = 99.166.666 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 300.000.000 đồng + 96.500.000 đồng = 399. 166.666 đồng.

Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi đã vay là 399. 166.666 đồng.

-*Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Tổng giá ngạch của vụ kiện là 399. 166.666 đồng. ông Cao Văn Việt và bà Ngụy Thị Sen phải liên đới nộp 399. 166.666 đồng x 5% = 19.958.333 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS,

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 289, 463; Khoản 1; Khoản 5 Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của BLDS,

- Áp dụng Điều 27 – Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

Buộc ông Cao Văn V và bà Ngụy Thị S phải liên đới trả cho ông Nguyễn Minh Tùng số tiền 300.000.000 đồng (tiền gốc) + 99.166.666 đồng (tiền lãi), tổng cộng là 399.166.666 đồng đồng (Ba trăm chín mươi chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc ông Cao Văn V và bà Ngụy Thị S phải liên đới nộp 19.958.333 (Mười chín triệu chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh Tùng toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí là 7.500.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004900 ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Ông Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/8/2022), còn ông Cao Văn V và bà Ngụy Thị S vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Thành viên hội đồng xét xử - Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Công Trường - Ksor H'Quá Ksor Pep